|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ**VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC****TRUNG ƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 209/VKNTTW-VTTTBV/v báo giá dung môi, hóa chất và vật tư mua sắm năm 2024 | *Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024* |

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư, dung môi, hóa chất

Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương có nhu cầu mua sắm vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Viện, thông tin cụ thể như sau:

| **Stt** | **Tên hàng hóa** | **Thông số kỹ thuật** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Acetonitril (CH3CN) gradient grade for HPLC | Phụ lục 1 – Mục A | Lít | 1.800 |
| 2 | Acetic acid glacial (CH3COOH) | Phụ lục 1 – Mục B | Lít | 50 |
| 3 | Methanol (CH3OH) gradient grade for HPLC | Phụ lục 1 – Mục C | Lít | 1.800 |
| 4 | Aceton (CH3COCH3) PA  | Phụ lục 1 – Mục D | Lít | 50 |
| 5 | Bản mỏng silica gel 60 F254 | Phụ lục 1 – Mục E | Hộp | 50 |
| 6 | Dichloromethane for analysis (CH2Cl2) | Phụ lục 1 – Mục F | Lít | 100 |
| 7 | Ethanol (C2H5OH) tuyệt đối HPLC | Phụ lục 1 – Mục G | Lít | 100 |
| 8 | Ethanol (C2H5OH) 96 % HPLC | Phụ lục 1 – Mục H | Lít | 100 |
| 9 | Methanol (CH3OH) PA | Phụ lục 1 – Mục I | Lít | 100 |
| 10 | Kali dihydrogen phosphat (KH2PO4)  | Phụ lục 1 – Mục J | Kg | 50 |
| 11 | 1-Propanol (C2H5CH2OH) HPLC | Phụ lục 1 – Mục K | Lít | 10 |
| 12 | Kali dichromat (K2Cr2O7) | Phụ lục 1 – Mục L | Kg | 50 |
| 13 | Thuốc thử Karl Fischer (Loại 2 thành phần) | Phụ lục 1 – Mục M | Lít | 40 |
| 14 | Natri dihydro phosphat dihydrat (NaH2PO4.2H2O) | Phụ lục 1 – Mục N | Kg | 5 |
| 15 | Natri hydroxyd (NaOH) pellets | Phụ lục 1 – Mục O | Kg | 20 |
| 16 | Tetrahydrofuran (C₄H₈O) HPLC  | Phụ lục 1 – Mục P | Lít | 20 |
| 17 | Toluen (C6H5CH3)PA | Phụ lục 1 – Mục Q | Lít | 20 |
| 18 | 2- Propanol (CH3CH(OH)CH3) HPLC | Phụ lục 1 – Mục R | Lít | 50 |
| 19 | Natri sulfat (Na2SO4) khan | Phụ lục 1 – Mục S | Kg | 5 |
| 20 | Cột sắc ký HPLC C18 (100 mm x 4,6 mm; 3µm) | Phụ lục 1 – Mục T | Chiếc  | 8 |
| 21 | Cột sắc ký HPLC C8 (100 mm x 4,6 mm; 3µm) | Phụ lục 1 – Mục U | Chiếc  | 8 |
| 22 | Cột sắc ký HPLC C18 (250 mm x 4,6 mm; 3µm) | Phụ lục 1 – Mục V | Chiếc  | 8 |
| 23 | Cột sắc ký HPLC C18 (250 mm x 4,6 mm; 5µm) | Phụ lục 1 – Mục W | Chiếc  | 8 |
| 24 | Cột sắc ký HPLC C18 (100 mm x 4,6 mm; 5µm) | Phụ lục 1 – Mục X | Chiếc  | 8 |

Để có căn cứ xây dựng danh mục, giá dự toán của hàng hóa nêu trên, Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi báo giá cho Viện (*Mẫu báo giá theo Phụ lục 2*), yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:

- Giá chào hàng thống nhất là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ); giá chào hàng là giá bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử, kiểm tra tại Phòng thí nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (Cơ sở 1: Số 48 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội) và các chi phí liên quan khác (*nếu có*);

- Báo giá phải ghi rõ thông số về mã hàng hóa, hãng sản xuất, xuất xứ, số lượng, đơn giá, thành tiền của hàng hóa chào giá;

- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá;

- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định;

- Báo giá được gửi về Phòng Vật tư Trang thiết bị - Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương (Địa chỉ: Số 48 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội) trước 17 giờ 00 ngày ***22/3/2024***.

Các đơn vị cần tìm hiểu thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với Phòng Vật tư Trang thiết bị - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương theo số điện thoại: 024.38256906.

Trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Như trên;- Tổ CNTT (đăng website của Viện);- Lư­u: VT, VTTTB. | **KT. VIỆN TRƯỞNG****PHÓ VIỆN TRƯỞNG****Nguyễn Đăng Lâm** |

**PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ**

***(Kèm theo văn bản số 209/VKNTTW-VTTTB ngày 11/3/2024)***

|  |  |
| --- | --- |
|  …………..[[1]](#endnote-1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương tại văn bản số[[2]](#endnote-2) ……….. ngày[[3]](#endnote-3) …….; chúng tôi [[4]](#endnote-4)…………………, địa chỉ[[5]](#endnote-5): ………………, mã số thuế[[6]](#endnote-6): …………. báo giá cung cấp …… [*hàng hóa, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị*][[7]](#endnote-7) như sau:

1. Báo giá cung cấp ……. [*hàng hóa, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị*][[8]](#endnote-8)

| **TT** | **Danh mục hàng hóa** | **Mô tả hàng hóa[[9]](#endnote-9)** | **Số lượng**  | **Đơn vị tính** | **Đơn giá (đồng)** | **Thành tiền****(đồng)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |

Giá chào hàng là giá bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển, bàn giao tại Phòng thí nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương và các chi phí liên quan khác (*nếu có*).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ….. ngày[[10]](#endnote-10), kể từ ngày …… tháng ……. năm ………..[[11]](#endnote-11)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….., ngày ………. tháng …… năm …….[[12]](#endnote-12)***Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[[13]](#endnote-13)***(Ký tên, đóng dấu)* |

1. Tên đơn vị báo giá [↑](#endnote-ref-1)
2. Ghi số hiệu của văn bản yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương [↑](#endnote-ref-2)
3. Ghi ngày của văn bản yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương [↑](#endnote-ref-3)
4. Ghi tên đơn vị cung cấp/báo giá [↑](#endnote-ref-4)
5. Ghi địa chỉ nhà cung cấp/báo giá [↑](#endnote-ref-5)
6. Ghi mã số thuế của nhà cung cấp/báo giá [↑](#endnote-ref-6)
7. Lựa chọn nội dung phù hợp theo yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương [↑](#endnote-ref-7)
8. Lựa chọn nội dung phù hợp theo yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương [↑](#endnote-ref-8)
9. Ghi rõ mã hàng hóa, hãng sản xuất, xuất xứ. [↑](#endnote-ref-9)
10. Ghi cụ thể số ngày, nhưng không nhỏ hơn 90 ngày [↑](#endnote-ref-10)
11. Ghi thời gian kết thúc nhận báo giá ghi trong văn bản yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương [↑](#endnote-ref-11)
12. Ghi ngày, tháng, năm báo giá [↑](#endnote-ref-12)
13. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. [↑](#endnote-ref-13)